

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12-12-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Dung, bà Lê Thị Bồng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La, tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2025/HNGĐ-ST ngày 14/10/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/11/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phàng Thị N, sinh năm 2001; địa chỉ: Bản SV, xã KB, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A S, sinh năm 1997; địa chỉ: Bản SV, xã KB, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phàng Thị N trình bày: Chị và anh Giàng A S kết hôn với nhau ngày 17/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã KB, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn, anh chị ở với bố mẹ chồng tại bản SV, xã KB. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, anh S nhiều lần uống rượu và đánh chị N. Ngày 28/02/2023, anh chị đã lập biên bản thỏa thuận ly hôn có sự chứng kiến của hai bên gia đình. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Giàng Quang H, sinh ngày 07/5/2019. Hiện tại cháu Giàng Quang H đang ở với bố và ông bà nội tại bản SV. Anh chị đã thống nhất giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/10/2025, anh Giàng A Ch - Trưởng bản SV, xã KB, xác nhận: Chị Phàng Thị N và anh Giàng A S đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại bản SV, xã KB, tỉnh Sơn La. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 17/6/2019 tại UBND xã KB. Sau khi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết ly hôn. Hiện tại chị N và anh S đều đi làm ăn xa. Anh chị có 01 con chung là cháu Giàng Quang H (tên gọi ở nhà là Giàng A K), hiện nay đang ở cùng bố mẹ anh S tại bản SV. Theo chính quyền bản biết được, ngày 28/02/2023 anh chị cùng hai bên gia đình đã gặp nhau và thống nhất với nhau về việc giải quyết ly hôn. Sau ngày đó, chị N đã về ở với mẹ đẻ cũng ở bản SV.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Giàng A S đăng ký thường trú nhưng không có mặt thường xuyên tại bản SV, xã KB. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Sơn La như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng các Điều 55, 56, 57, 80, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Phàng Thị N và anh Giàng A S ly hôn. Giao cháu Giàng Quang H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị N do anh S không có yêu cầu. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn do đó quan hệ pháp luật là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị

đơn có nơi cư trú tại xã KB, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không chấp hành triệu tập của Tòa án, tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, trong đó nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phàng Thị N và anh Giàng A S đăng ký kết hôn ngày 17/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã KB, tỉnh Sơn La). Khi đăng ký, anh chị đã đủ tuổi kết hôn và việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh S có hành vi bạo lực gia đình. Anh chị đã lập biên bản thông nhất ly hôn trước sự chứng kiến của hai bên gia đình và ly thân từ ngày 28/02/2023 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh S để hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt, không chấp hành triệu tập của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh S.

[3] Về con chung: Chị N và anh S đều có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay hai anh chị đều đang đi làm ở xa, cháu Giàng Quang H đang ở với ông bà nội là ông Giàng A Láng và bà Phàng Thị Cho tại bản SV, xã KB, tỉnh Sơn La. Ngày 28/02/2023, chị N và anh S cùng đại diện hai bên gia đình đã thống nhất giao cháu H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh Giàng A S chưa có yêu cầu nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con chung đối với chị Phàng Thị N.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phàng Thị N là người dân tộc Mông sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Phàng Thị N và anh Giàng A S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phàng Thị N ly hôn anh Giàng A S.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Quang H sinh ngày 07/5/2019 cho anh Giàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con chung đối với chị Phàng Thị N do anh Giàng A S chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phàng Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã KB, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam